

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu bổ sung dự toán thu, chi phí THADS năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-BTP ngày 06/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2898/QĐ-BTP ngày 06/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc sửa đổi Quyết định thành lập Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định số 304/QĐ-CTHADS ngày 29/12/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán thu, chi phí THADS năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự các huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Trang thông tin điện tử Cục;
- Lưu: VT, VP, KT(Đức).

CỤC TRƯỞNG

Võ Văn Xông



ĐU TOÀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 305/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2022)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục THADS	Chi cục THADS Thành phố Quảng Ngãi	Chi cục THADS Minh Long	Chi cục THADS Lý Sơn	Chi cục THADS Sơn Tây	Chi cục THADS Ba Tư	Chi cục THADS Trà Bồng	Chi cục THADS Sơn Tịnh	Chi cục THADS Bình Sơn	Chi cục THADS Tư Nghĩa	Chi cục THADS Mộ Đức	Chi cục THADS Nghĩa Hành	Chi cục THADS Đức Phổ	Chi cục THADS Sơn Hà
1	2	3	4=5+.18	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	4.070,585	4.070,585	142,403	2.833,335	33,660	60,211	1,486	0,749	3,119	34,307	368,354	152,643	42,434	7,169	364,656	26,059
I	Số thu phí, lệ phí	4.070,585	4.070,585	142,403	2.833,335	33,660	60,211	1,486	0,749	3,119	34,307	368,354	152,643	42,434	7,169	364,656	26,059
1	Lệ phí	0	0														
2	Phí thi hành án	4.070,585	4.070,585	142,403	2.833,335	33,660	60,211	1,486	0,749	3,119	34,307	368,354	152,643	42,434	7,169	364,656	26,059
II	Chi từ nguồn phí được để lại	1.775,614	1.775,614	62,117	1.235,918	14,683	26,264	0,648	0,327	1,360	14,965	160,679	66,584	18,510	3,127	159,065	11,367
1	Chi sự nghiệp	0	0														
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0														
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0														
2	Chi quản lý hành chính	1.775,614	1.775,614	62,117	1.235,918	14,683	26,264	0,648	0,327	1,360	14,965	160,679	66,584	18,510	3,127	159,065	11,367
a	Kinh phí thực hiện chế độ tư chủ	1.769,614	1.769,614	62,117	1.229,918	14,683	26,264	0,648	0,327	1,360	14,965	160,679	66,584	18,510	3,127	159,065	11,367
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chủ	6,000	6,000		6,000												
III	Số phí lệ phí nộp ngân sách	1.649,301	1.649,301	57,698	1.147,997	13,638	24,397	0,603	0,303	1,264	13,901	149,247	61,847	17,193	2,905	147,750	10,558
1	Lệ phí	0	0														
2	Phí thi hành án	1.649,301	1.649,301	57,698	1.147,997	13,638	24,397	0,603	0,303	1,264	13,901	149,247	61,847	17,193	2,905	147,750	10,558
B	Dự toán chi ngân sách	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Chi quản lý hành chính	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tư chủ	0,0	0,0														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chủ	0,0	0,0														
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0														
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0													
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tư chủ	0	0														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chủ	0	0														
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0														
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0														